

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B -TP. HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50 /2019/HNGĐ - ST

Ngày: 25/09/2019.

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Trung Thành**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Xuân Thuật**

2. Ông **Nguyễn Văn Trình**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải Phương**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà **Đào Thanh Huyền**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 09 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 223/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXX - ST ngày 08 tháng 08 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27/8/2019 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm: 1988;

HKTT: Số nhà 12, hẻm 14, ngách 28/48 phố Đại Linh, TDP 17, phường Tr,

quận N, thành phố Hà Nội.

(Chị N có mặt tại phiên tòa)

2. **Bị đơn:** Anh **Trần Niêm V**, sinh năm: 1985;

HKTT: Đội 1, thôn Kiều Mộc, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội.

(Anh V vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn, bản tự khai ngày 15/5/2019 và ngày 07/6/2019 chị Nguyễn Thị N khai như sau: Chị N và anh V kết hôn trên Th thân tự nguyện, có tìm hiểu thỏa thuận, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tr, huyện T, thành phố Hà Nội ngày 27/3/2012. Sau khi kết hôn chị N và anh V về chung sống với nhau ngay. Chị N và anh V xuống Hà Nội thuê nhà để ở, sinh sống và làm việc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ nhau. Sau đó anh V bỏ nhà đi ở chỗ khác, trong thời gian này thì anh V không quan tâm, chăm sóc vợ con, thời điểm này chị N mới sinh con được 4 tháng khi đó thì chị N đang ở nhờ nhà ông bà ngoại. Thời gian sau thì anh V lại về nhà sống đoàn tụ với chị N thì hai vợ chồng thống nhất chuyển ra ngoài sinh sống, ra ngoài sinh sống được hai năm trong khoảng thời gian này thì hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Khoảng tháng 8 năm 2014 chị N đã từng nộp đơn xin ly hôn anh V tại Tòa án quận Nam T nhưng trong quá trình giải quyết thì chị N rút đơn về hai vợ chồng sống đoàn tụ. Sau khi rút đơn về hai vợ chồng sống chung thì vẫn phát sinh nhiều mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên cãi cọ nhau. Đến năm 2016 hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn chị N bỏ về nhà bố mẹ để ở được hai tháng thì anh V có đến xin lỗi bố mẹ chị N và hai vợ chồng lại quay lại chung sống tại nhà bố mẹ chị N, trong quá trình chung sống hai vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Bố mẹ hai bên có biết chuyện và khuyên ngăn nhưng không được. Đến tháng 7 năm 2018 hai người sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng không ai quan tâm đến ai cho đến nay. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn anh V.

Về con chung: Có 02 con chung, cháu là Trần Quang V, sinh ngày 12/2/2014 và cháu Trần Minh C, sinh ngày: 27/9/2017. Hiện nay cháu V đang ở với anh V, cháu C đang ở với chị N. Chị N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trần Minh C và giao cháu Trần Quang V cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản riêng, tài sản chung, công nợ chung: Không có.

Đối với anh Trần Niềm V Tòa án nhân dân huyện B đã triệu tập hợp lệ anh V. Ngày 04/06/2019 anh V có đến Tòa án huyện B theo giấy triệu tập của Tòa án, Tòa án đã thông báo cho anh V được biết việc chị Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu ly hôn đối với anh V và Tòa án giao cho anh V thông báo thụ lý vụ án số: 223/TLST-HNGĐ ngày 14/5/2019 anh V có nhận nhưng không ký nhận văn bản. Anh V không khai vào bản tự khai để thể hiện quan điểm của mình về việc chị N yêu cầu ly hôn anh. Anh V có ý kiến sẽ làm việc với Tòa án vào buổi khác khi được triệu tập hợp lệ, anh V bỏ về mà không ký bất cứ văn bản nào của Tòa án, Tòa án tiến hành lập biên bản ghi nhận sự việc trên để lấy căn cứ tiếp tục giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương thì được biết anh Trần Niềm V có hộ khẩu thường trú tại đội 1, thôn Kiều Mộc, xã C, huyện B, Hà Nội. Hiện nay anh V không có mặt tại địa phương, thỉnh thoảng anh V có về nhà ở vài ngày rồi lại đi, anh V đang làm việc tại Hà Nội, địa chỉ cụ thể như thế nào thì chính quyền địa phương không được biết do anh V không khai báo. Tòa án huyện B đã tổng đạt hợp lệ các văn bản cho anh V, đã niêm yết công khai văn bản tại nhà và tại Ủy ban nhân dân xã C nhưng anh V vẫn vắng mặt tất cả các buổi làm việc, phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay.

Tòa án huyện B có tiến hành lấy lời khai của ông Trần Niềm T là bố đẻ của anh Trần Niềm V theo ông T cho biết anh V và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Văn, huyện T, Hà Nội. Sau khi kết hôn thì anh V và chị N xuống Hà Nội sống tại phòng trọ do nhà bố mẹ chị N cho mượn để sinh sống và làm ăn. Hai vợ chồng anh

V, chị N thỉnh thoảng có về quê chơi vài ngày rồi lại đi, hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì do anh V làm công việc không ổn định nên thu nhập không đều nên hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến cãi nhau, gia đình hai bên có biết chuyện và can thiệp nhưng anh V nói giờ hai vợ chồng đã lớn nên không cần bố mẹ hai bên can thiệp. Khi chung sống hai vợ chồng anh V sống gần nhà bố mẹ vợ nên có mâu thuẫn và do tâm lý anh V không thoải mái nên hai vợ chồng hay cãi nhau. Khi xảy ra mâu thuẫn thì anh V không ở cùng chị N nữa mà ra ngoài sinh sống. Việc hai vợ chồng anh V, chị N ly hôn thì chị N có về mượn sổ hộ khẩu và thông báo cho ông biết việc này. Bản thân ông là bố của anh V ông không mong muốn các con phải ly hôn nhưng nếu các con quyết định như thế nào thì Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông T có nhận được tổng đạt các giấy tờ như thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án huyện B, ông T đều thông báo cho anh V được biết nội dung của văn bản ông đã nhận, ông báo gọi anh V về nhà để xem và nhận văn bản, việc anh V đến Tòa án hay không thì ông không biết được. Trong quá trình chung sống anh V và chị N có hai con chung cháu là Trần Quang V và cháu Trần Minh C. Hiện nay cháu V đang sống cùng anh V và vợ chồng ông T, còn cháu C thì ở cùng với mẹ ở Hà Nội. Quan điểm về ai sẽ là người nuôi hai cháu thì ông không can thiệp. Hiện nay giữa anh V và chị N mỗi người nuôi một cháu ông mong Tòa án giải quyết cho mỗi anh chị nuôi một cháu như hiện nay. Về tài sản riêng, chung: Từ khi kết hôn đến nay thì anh V và chị N sinh sống dưới Hà Nội và ở nhờ nhà bố mẹ chị N nên theo ông T thì không có tài sản gì. Về nợ chung: Ông T không thấy anh V, chị N nói gì với ông.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Chị Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên mọi yêu cầu của mình. Anh Trần Niêm V vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện VKSND huyện B phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Về trình tự giải quyết vụ án được TAND huyện B tuân thủ đúng và đầy đủ theo quy định tố tụng dân sự. Từ khi nhận đơn, giải quyết đơn, ra thông báo thụ lý, lấy lời khai và ra quyết định xét xử, tổng đạt các văn bản tố tụng đều hợp lệ và đều đảm bảo đúng quy trình tố tụng .

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 56, 58, điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Xử: Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Trần Niềm V. Về con chung: Có 02 con chung, giao cho chị Nguyễn Thị N được trực tiếp nuôi cháu Trần Minh C, sinh ngày: 27/9/2017, đến khi tròn, đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác. Giao cho anh Trần Niềm V được trực tiếp nuôi cháu Trần Quang V, sinh ngày 12/2/2014, đến khi tròn, đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị N và anh Trần Niềm V cho đến khi chị Nguyễn Thị N và anh Trần Niềm V có yêu cầu. Về tài sản riêng , tài sản chung, nợ chung: chưa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1].Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với anh Trần Niềm V. Theo quy định tại Khoản 1, Điều 28; Điểm a, Khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, thành phố Hà Nội. Anh Trần Niềm V vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án thì anh V có mặt tại Tòa án, anh V có nhận thông báo thụ lý vụ án nhưng không chịu ký nhận văn bản tố tụng. Đồng thời anh V không thể hiện quan điểm cá nhân của mình bằng văn bản đối với yêu cầu ly hôn của chị N với anh. Tòa án đã triệu tập hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng nhưng đến ngày hôm nay anh V không có mặt tại Tòa án để giải quyết

ly hôn với chị N.

Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trần Niềm V là hôn nhân hợp pháp, có tìm hiểu thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Văn, huyện T, Hà Nội ngày 27/3/2012. Sau khi kết hôn chị N và anh V chung sống với nhau ngay, hai vợ chồng xuống Hà Nội thuê nhà để sinh sống và làm việc. Hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến hay cãi cọ nhau. Đến tháng 8 năm 2014 thì chị N đã nộp đơn và yêu cầu Tòa án quận Nam T giải quyết ly hôn và được Tòa án thụ lý giải quyết nhưng sau đó chị N rút đơn hai vợ chồng về đoàn tụ nhưng trong lúc chung sống vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Quá trình chung sống luôn xảy ra bất đồng quan điểm. Đến tháng 7 năm 2018 thì chị N và anh V ly thân cắt đứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng, không ai quan tâm đến ai. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án huyện B giải quyết cho chị được ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh V đã đến mức trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N, cho chị N được ly hôn anh V để giải phóng cho cả hai bên.

2.2. Về con chung: Chị N khai có 02 con chung là cháu Trần Quang V, sinh ngày 12/2/2014 và cháu Trần Minh C, sinh ngày: 27/9/2017. Xét thấy hiện nay giữa anh V và chị N mỗi người đang nuôi một cháu ổn định nên tiếp tục giao cho anh V và chị N nuôi con chung như hiện tại tránh sự xáo trộn cuộc sống ảnh hưởng tâm lý của các cháu. Do vậy Hội đồng xét xử tiếp tục giao cho chị Nguyễn Thị N

trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Minh C cho đến khi tròn, đủ 18 tuổi. Giao cho anh Trần Niềm V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Quang V cho đến khi tròn đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa hôm nay chị N không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh V vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không đặt ra việc cấp dưỡng. Tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N, anh V cho đến khi chị N, anh V có yêu cầu hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

2.3. Về tài sản riêng, Về tài sản chung, công sức chung, Công nợ chung: Hiện anh V vắng mặt nên chưa có căn cứ xác định nên chưa giải quyết trong vụ án này.

2.4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56, 58, điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Căn cứ Điều 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: 1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Trần Niềm V.

2/ Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Trần Niềm V.

3/Con chung: Có 02 con chung, giao cho chị Nguyễn Thị N được trực tiếp nuôi cháu Trần Minh C, sinh ngày: 27/9/2017 đến khi tròn, đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác. Giao cho anh Trần Niềm V được trực tiếp nuôi cháu Trần Quang V, sinh ngày 12/2/2014 đến khi tròn, đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị N và anh Trần Niêm V cho đến khi chị Nguyễn Thị N và anh Trần Niêm V có yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Niêm V có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

4/ Về tài sản riêng ,Về tài sản chung, Công sức chung, Công nợ chung:
Chưa giải quyết

5/ Án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền số: 0009295 ngày 14/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội vào khoản án phí ly hôn sơ thẩm chị N phải nộp.

6/ Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Trần Niêm V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

“ Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội;
- VKS huyện B;
- THA B;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Trung Thành

